Tên: …….. **Nghe:** ……

Lớp: S7

Ngày làm bài: Thứ ……, ngày ……/…….

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 2: TIME TO CELEBRATE – VOCABULARY 1 & FCE LISTENING

CLASSWORK

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**luxury** (n)	sự xa xỉ	4	**old-fashioned** (adj)	cổ hủ, lỗi thời
2	**reception desk** (n)	bàn lễ tân	5	**discipline** (n)	kỷ luật
3	**extraordinary** (adj)	phi thường	6	**astonishing** (adj)	đáng kinh ngạc

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. TIPS

☑ **Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)**

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

Cách làm:

- Khi đọc câu hỏi và 3 lựa chọn A/B/C, hãy gạch chân các từ khóa chính – thường là **danh từ, động từ, tính từ mô tả**, vì những loại từ này thường chứa thông tin quan trọng trong câu.
- Từ khóa giúp con biết nội dung cần nghe (what to listen for) và giúp não so sánh thông tin nhanh hơn.

🔍 **Ví dụ:** You hear two friends talking about a **science book**. **What** does the **boy** **like** **about** it?

→ Khi nghe, con cần tập trung vào các thông tin này để tìm xem cậu bé thích điều gì ở cuốn sách khoa học.

⚠ **Step 2: Watch Out for Traps (Coi chừng bẫy)**

Mục tiêu: Tránh bị đánh lừa bởi từ giống nhau giữa bài nghe và đáp án, nhưng ngữ cảnh hoặc ý nghĩa lại không khớp.

Cách làm:

- Đề bài thường cố tình đưa từ giống nhau vào câu sai, nhưng nếu nghe kỹ con sẽ thấy ngữ cảnh không phù hợp.
- Đừng chọn đáp án chỉ vì con nghe thấy từ đó – hãy chắc chắn nó trả lời đúng câu hỏi!

🔍 **Ví dụ mẫu:**

What **sport** does the **girl** **want** to **try** **next week**?

A. Tennis

B. Basketball

C. Swimming

🎧 **Transcript:**

Boy: So, did you **enjoy** your **swimming class** yesterday?

Girl: Yeah, it was fun! But I've **been doing** that **every week** for **months**. I **want** to **try** **something different** now.

Boy: Like what?

Girl: I think **tennis** sounds **exciting**. I even bought a new racket!

🏐 **Phân tích:**

- Cả A. Tennis và C. Swimming đều được nhắc đến trong đoạn hội thoại.
- Tuy nhiên, câu hỏi là: "Môn thể thao nào cô bé muốn thử vào tuần sau?", không phải "Môn thể thao cô bé đã chơi".
- Nếu con chỉ nghe thấy từ swimming và chọn ngay đáp án C là sai. Vì swimming là môn cô bé đã học trong thời gian qua, chứ không phải môn cô ấy muốn thử.
- Tennis là môn thể thao mới mà cô bé muốn thử trong tuần sau, thậm chí còn nói đã mua vợt mới → Đáp án đúng là A. Tennis.

LIVEWORKSHEETS

C. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-b2-fce-practice-plus-2-2015-test-2-part-1

Part 1: You will hear people talking in eight different situations.
For questions 1–8, choose the best answer (A, B or C).

1. **You hear two friends talking about a science book.**
   What does the boy like about it?
   A. It doesn't have many pages.
   B. It teaches him a lot.
   C. It's funny.

2. **You hear a man talking about family holidays when he was a teenager.**
   What part did he enjoy most?
   A. Travelling to the holiday home.
   B. Swimming in the river.
   C. Staying inside and watching action films.

3. **You hear two friends talking about a hotel they stayed in.**
   What do they both agree on?
   A. It was easy to get to the city centre.
   B. The staff were friendly.
   C. The beds were very comfortable.

4. **You hear a woman talking about a new film she saw.**
   How did she feel after watching it?
   A. Happy with the ending.
   B. Annoyed it wasn't realistic.
   C. Sad about the main character.

5. **You hear a woman telling a friend about her supermarket job.**
   What was she doing that morning?
   A. Putting items on shelves.
   B. Taking payments from customers.
   C. Serving at the fish and bread counter.

6. **You hear a man talking about a band he saw at a concert.**
   What is he unhappy about?
   A. How the band looked on stage.
   B. The sound quality.
   C. That the show was very short.

7. **You hear a sports instructor giving advice.**
   What is he doing?
   A. Saying what someone did well.
   B. Describing a useful swimming technique.
   C. Explaining why a swimming method might be wrong.

8. **You hear a woman talking about being at university.**
   What surprised her?
   A. How quickly the time passed.
   B. How much money she needed.
   C. How many friends she made.

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……..

Lớp: S7…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Từ vựng & Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

Mini Test: ……..

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 2: TIME TO CELEBRATE – VOCABULARY 1 & FCE LISTENING

A. VOCABULARY

- Festival Items & Activities

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**dumpling** (n)	bánh bao, há cảo	4	**decorate** (v)	trang trí
2	**lantern** (n)	đèn lồng	5	**courtyard** (n)	sân trong (giữa các tòa nhà hoặc khu nhà)
3	**firework** (n)	pháo hoa	6	**pattern** (n)	họa tiết, hoa văn

- Meanings & Beliefs

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**symbolise** (v)	tượng trưng	3	**wisdom** (n)	trí tuệ, sự khôn ngoan
2	**religion** (n)	tôn giáo	4	**reflection** (n)	sự suy ngẫm, sự phản chiếu

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**wealth** (n)	sự giàu có	3	**take place** (phr.)	diễn ra
2	**lunar** (adj)	thuộc về mặt trăng (liên quan đến lịch âm)			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**atmosphere** (n)	bầu không khí (của sự kiện/lễ hội,…)	4	**reckon** (v)	nghĩ rằng, cho rằng
2	**thrill** (n)	cảm giác hồi hộp, phấn khích	5	**expectation** (n)	sự mong đợi, kỳ vọng
3	**spectator** (n)	khán giả (thể thao hoặc sự kiện trực tiếp)			

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; phr. = phrase: cụm từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

0. *The Mid-Autumn Festival often has beautiful paper _____ that children carry while walking in the parade.*
   A. dumplings *B. lanterns* *C. courtyards* *D. patterns*
1. My grandma made some delicious pork _____ for the New Year's Eve dinner.
   A. dumplings B. decorate C. fireworks D. wealth
2. People often hang red banners and _____ their houses before the Lunar New Year to bring good luck.
   A. wisdom B. decorate C. lunar D. symbolise
3. During Tet, colourful shapes and flowers are painted as a special _____ on the walls of the courtyard.
   A. courtyard B. pattern C. reflection D. symbolise
4. The New Year celebration will _____ in the main square, where thousands of people gather.
   A. religion B. wealth C. take place D. reflection

LIVEWORKSHEETS

5. Many people believe that giving money in red envelopes during festivals will bring good luck and _____ in the new year.
A. courtyard B. place C. lunar D. wealth

II. Fill in the blanks with the correct words in the box. Use each word only ONCE. Some words may not be used.

~~*lanterns*~~	lunar	firework	courtyard	take	symbolise	pattern	religion

Last month, our school organised a special event to celebrate the Mid-Autumn Festival. At the entrance, colourful paper ***(0) lanterns*** were hung on strings, lighting up the pathway. In the centre of the **(1)** _____, there was a big stage decorated with flowers and traditional banners. The principal explained that the round moon cakes **(2)** _____ family unity and happiness.

A local speaker also gave a short talk about how the festival is connected to Vietnamese culture and **(3)** _____. In the evening, everyone gathered to enjoy the amazing **(4)** _____ display, which lit up the night sky with sparkling colours. The celebration happened on the fifteenth day of the **(5)** _____ month, which is believed to be the brightest moon of the year.

III. Fill in the blanks with WHO, WHICH or WHOSE.

*0. The men **who** live next door are English.*

1. The book _____ you lent me was so interesting that I finished it in one day.
2. The artist _____ paintings were displayed in the gallery is from France.
3. The boy _____ won the first prize is only twelve years old.
4. The company _____ makes these shoes has just opened a new store in our city.
5. The woman _____ car was stolen reported it to the police immediately.

IV. Read the text about a festival, then answer the questions in FULL SENTENCES.

Two weeks ago, the city held a big celebration for Lunar New Year. The main square was decorated with thousands of colourful lanterns and large flower patterns on the walls of the surrounding buildings. In the middle of the courtyard, a huge stage was set up for traditional dances and music performances.

The mayor gave a short speech explaining that these traditions symbolise hope, peace, and happiness for the coming year. People from different cultures and religions joined the celebration, making it a truly special event.

At night, a firework display lit up the sky for almost thirty minutes. The event took place on New Year's Eve, and many believed that it would bring wealth and good fortune. Families gathered together to enjoy delicious dumplings and shared wishes for the year ahead.

Questions:

0. What festival was celebrated in the city?
→ ***The Lunar New Year was celebrated in the city***.

1. Where was the huge stage set up?
→ _____.
2. What do the traditions symbolise?
→ _____.
3. Who joined the celebration?
→ _____.
4. What did families eat together during the festival?
→ _____.

Extra question: What festival in your country do you enjoy the most?
→ _____.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con làm bài nghe theo link sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/succeed-in-cambridge-b1-preliminary-test-1-part-3

PART 3 Questions 14-19

For each question, write the correct answer in the gap.
*Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear a tour guide giving information about an old British house.

Stonebridge House

The house was built in the (14) ..... .

The Reynold family lived in the house until (15) ..... .

The servants had rooms in the (16) ..... .

The art collection is in the (17) ..... .

George Reynold was a (18) ..... .

George's brother died in a (19) ..... accident.

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-b2-fce-practice-1

Part 1: You will hear people talking in eight different situations.
For questions 1–8, choose the best answer (A, B or C).

1. You hear two friends talking about going to a motor-racing event.
What did they both like best about it?
A. the race
B. the facilities (things provided at the place)
C. the atmosphere (feeling in the crowd)

2. You hear a football coach talking about a match.
Why does he think his team lost?
A. They weren't thinking about the game.
B. They didn't train enough.
C. They weren't fit.

3. You hear two people talking about a computer game.
Why doesn't the boy like it?
A. It's boring.
B. It costs too much money.
C. It's too hard to understand.

4. You hear a woman talking about judging a poetry competition.
What surprised her?
A. The way nature was shown in the poems.
B. How many poems people wrote.
C. That the poems were funny.

5. You hear a young man talking about travelling alone for the first time.
How did his parents react?
A. They gave him advice about what to take.
B. They were worried.
C. They were angry.

6. You hear a nurse giving a talk.
What is she talking about?
A. Telling a new worker what to do.
B. How to look after patients.
C. The good and bad parts of the job.

7. You hear a man talking about a long trip he made.
How did he travel?
A. By bus.
B. By motorbike.
C. By car.

8. You hear two friends talking about a radio programme.
What did the girl like about it?
A. It was funny.
B. She learned something.
C. The presenter was good.

LIVEWORKSHEETS